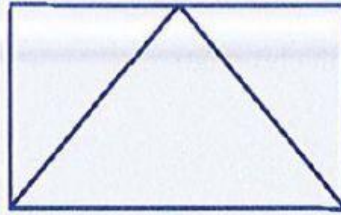


DẠNG 7: ĐẾM TAM GIÁC, TỨ GIÁC.

Bài 1. Hình bên có :

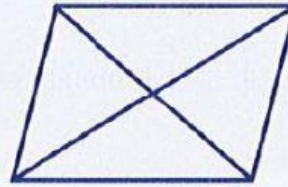
a)  hình tam giác.

b)  hình chữ nhật.

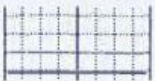


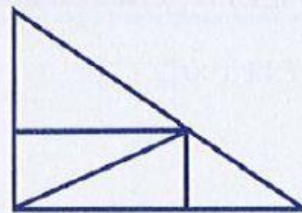
Bài 2. Hình bên có :

 hình tam giác.



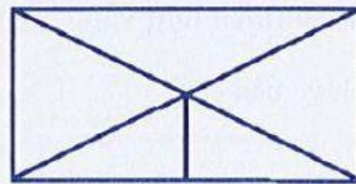
Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tam giác.

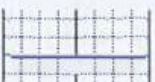


Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tam giác.



Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

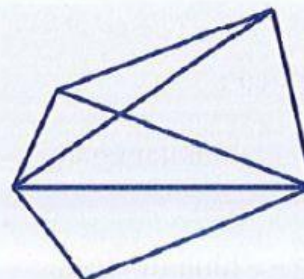
Hình vẽ bên có  hình tứ giác.



Bài 6. Hình bên có :

a)  hình tam giác.

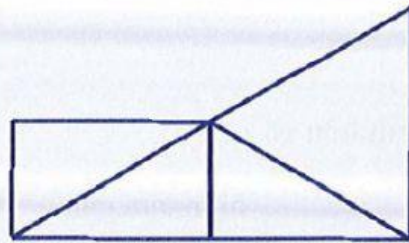
b)  hình tứ giác.



Bài 7. Hình bên có :

a)  hình tam giác.

b)  hình chữ nhật.



Bài 8. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tam giác.



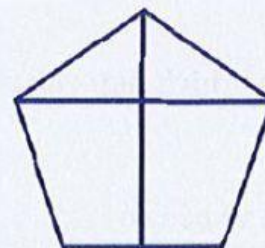
Bài 9. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tam giác.



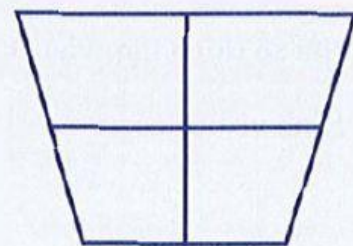
Bài 10. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tứ giác.



Bài 11. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

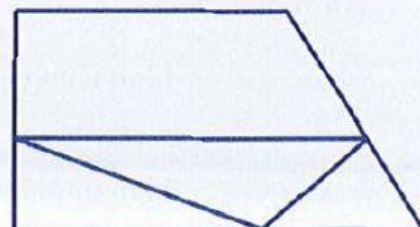
Hình vẽ bên có  hình tứ giác.



Bài 12. Hình bên có :

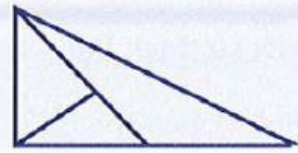
a)  hình tam giác.

b)  hình tứ giác.



Bài 13. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

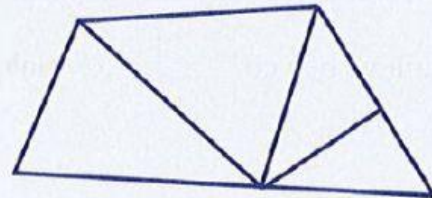
Hình vẽ bên có  hình tam giác.



Bài 14. Hình bên có :

a)  hình tam giác.

b)  hình tứ giác.



Bài 15. Hình bên có :

a)  hình tam giác.

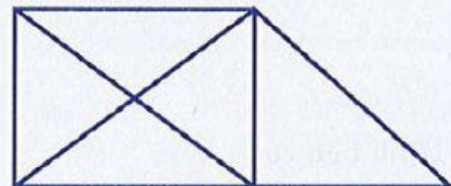
b)  hình tứ giác.



Bài 16. Hình bên có :

a)  hình tam giác.

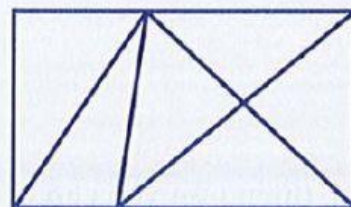
b)  hình tứ giác.



Bài 17. Hình bên có :

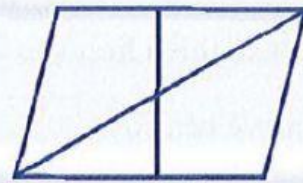
a)  hình tam giác.

b)  hình tứ giác.



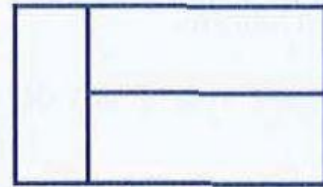
Bài 18. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tứ giác.



Bài 19. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

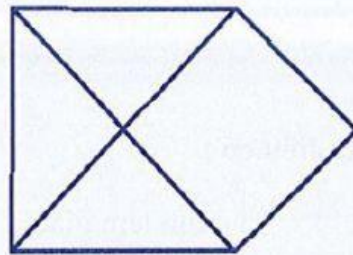
Hình vẽ bên có  hình chữ nhật.



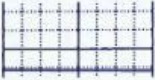
Bài 20. Hình bên có :

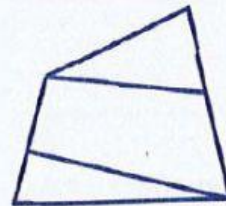
a)  hình tam giác.

b)  hình tứ giác.

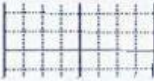


Bài 21. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

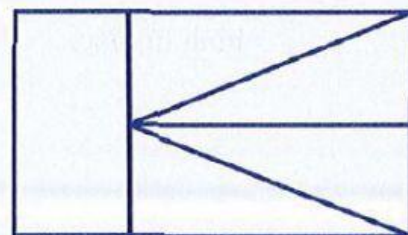
Hình vẽ bên có  hình tứ giác.



Bài 22. Hình bên có :

a)  hình tam giác.

b)  hình chữ nhật.



Bài 23. Viết số thích hợp vào chỗ trống :

Hình vẽ bên có  hình tứ giác.

